

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 8 năm 2024
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phạm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị

Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phan N - sinh năm 1994.

ĐKHKT: thôn Q, xã Đ, huyện K, tỉnh H.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Ngọc A - sinh năm 1997.

ĐKHKT: khu 18, xã B, huyện T, tỉnh P.

Hiện nay đang ở nước ngoài.

(Anh N có đơn xin xét xử vắng mặt; chị A vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Phan N trình bày: anh và chị Lê Thị Ngọc A tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 11/10/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh H. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Năm 2023 chị A đi Đài Loan làm việc và sinh sống, từ đó đến nay giữa vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được do bất đồng về quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói

chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh N đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Ngọc A.

Về con chung: anh Phan N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: anh Phan N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: anh N tự nguyện xin chịu toàn bộ.

Anh Phan N trình bày hiện nay anh không biết địa chỉ cụ thể của chị A ở nước ngoài nên anh không thể cung cấp địa chỉ của chị A cho Tòa án được. Anh N đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của chị A ở nước ngoài thông qua anh trai ruột của chị A là anh Lê T.

Thân nhân của chị Lê Thị Ngọc A - anh Lê T trình bày: anh là anh trai ruột của chị Lê Thị Ngọc A, chị A hiện nay đang ở nước ngoài (Đài Loan). Hiện tại anh và gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với chị A qua điện thoại nhưng anh không biết địa chỉ cụ thể của chị A ở chỗ nào tại nước ngoài vì chị A không nói cho anh biết. Do vậy, anh T không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của chị A cho Tòa án được. Anh T cũng đã nhận và thông báo về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị A biết và được chị A nói lại với anh là chị A đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh N theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phan N ly hôn chị Lê Thị Ngọc A.

Về án phí: Anh Phan N chịu cả 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Phan N nộp đơn xin ly hôn chị Lê Thị Ngọc A tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, anh N trình bày hiện chị A đang ở nước ngoài. Tại văn bản số 6027/QLXNC-P3 ngày 26/3/2024 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an đã cung cấp thông tin: "*Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 04/10/1997, đã xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 04/12/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước*". Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh P.

Trong vụ án này chị A không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Anh N đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị A.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Phan N và chị Lê Thị Ngọc A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Cẩm, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương vào ngày 11/10/2022. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh N và chị A thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Hội đồng xét xử thấy rằng anh N và chị A hiện đã không còn tình cảm, không có sự quan tâm chia sẻ cùng với nhau trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh N đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị A là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị xin ly hôn của anh N được chấp nhận.

Anh N đề nghị xin ly hôn với chị A và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị A tại Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị A ở nước ngoài cho Tòa án được. Tòa án đã làm việc thông qua thân nhân của chị A là anh Lê T (anh trai ruột chị A) thì thấy gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho chị A biết, yêu cầu chị A cung cấp địa chỉ hiện nay nhưng chị A không cung cấp nên gia đình không biết địa chỉ cụ thể của chị A ở đâu tại nước ngoài. Như vậy, chị A đã cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-

HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán - Tòa án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Về con chung: anh Phan N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: anh Phan N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: anh N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan N.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan N được ly hôn với chị Lê Thị Ngọc A.

[2] Về con chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: anh Phan N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Phan N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000177 ngày 30/5/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh P.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: đương sự có mặt ở Việt Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Các đương sự ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND xã Đồng Cẩm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Ngọc Tuấn